

CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG XANH LEDTECH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG XANH LEDTECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LEDTECH GREEN ENERGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LEDTECH GE CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110797973

3. Ngày thành lập: 30/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 599 đường Bát Khối, Tổ 3, Phường Cự Khối, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982016699

Fax:

Email: nangluongxanhledtech@gmail.com Website: om

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
2.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
6.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
7.	In ấn	1811
8.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
9.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
10.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
11.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
12.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
13.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
14.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
15.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
16.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
17.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
18.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710

19.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
20.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
21.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
22.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
23.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
24.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
25.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
26.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
27.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
28.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
29.	Sản xuất máy luyện kim	2823
30.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
31.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
32.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
33.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
34.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
35.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
36.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
37.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
38.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
39.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
40.	Tái chế phế liệu Không hoạt động tại trụ sở	3830
41.	Xây dựng nhà ở Chi tiết: Xây dựng nhà các loại	4101
42.	Xây dựng công trình điện	4221
43.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
44.	Xây dựng công trình thủy	4291
45.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
46.	Phá dỡ	4311
47.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
48.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
54.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm được Nhà nước cho phép lưu hành	4649
55.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;	4659(Chính)
57.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
58.	Bán buôn tổng hợp	4690
59.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
60.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
61.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
64.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
65.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
66.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

67.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
68.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62, luật Bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74, luật Bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014) - Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75, luật Bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014)	6820
69.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
70.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng (Điều 60 Nghị định 59/2015/NĐ-CP); - Tư vấn quản lý dự án (Điều 63 Nghị định 59/2015/NĐ-CP); - Thiết kế xây dựng công trình (Điều 61 Nghị định 59/2015/NĐ-CP); - Khảo sát xây dựng (Điều 46 Nghị định 59/2015/NĐ-CP); - Giám sát thi công xây dựng công trình (Điều 49 Nghị định 59/2015/NĐ-CP);	7110
71.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
72.	Quảng cáo	7310
73.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
74.	Cho thuê xe có động cơ	7710
75.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
76.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Điều 5, Nghị định 55/2013/NĐ – CP)	7830
77.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
78.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
79.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
80.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
81.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
82.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

